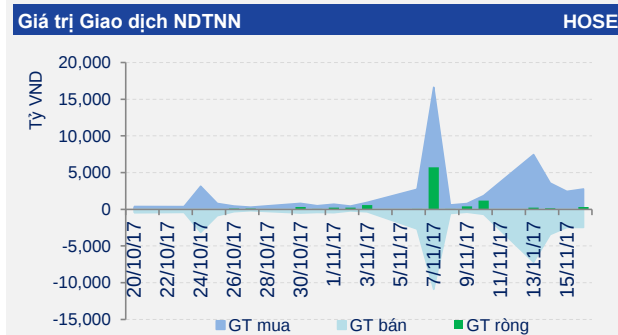
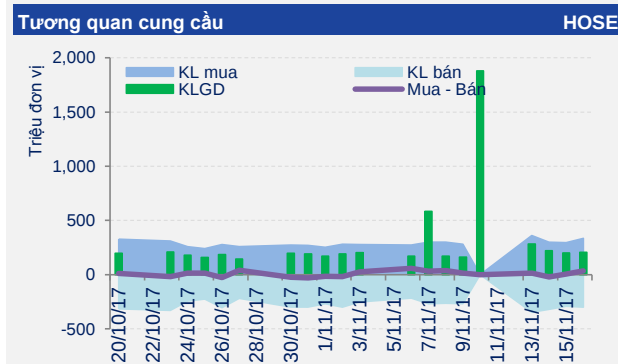


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/11/2017

| Thống kê thị trường | HOSE        | HNX         |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index               | 892.80      | 108.29      |
| % Thay đổi          | ↑ 1.16%     | ↑ 0.75%     |
| KLGD (CP)           | 205,373,697 | 56,854,382  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 7,245.84    | 814.76      |
| Tổng cung (CP)      | 299,398,830 | 95,071,800  |
| Tổng cầu (CP)       | 335,158,110 | 110,205,300 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 29,490,536 | 3,142,159 |
| KL mua (CP)       | 30,018,338 | 1,215,338 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 2,766.76   | 17.60     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 2,474.61   | 54.68     |
| GT ròng (tỷ đồng) | 292.15     | (37.08)   |



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD  |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 4.43%    | 13.3 | 2.5 | 9.1%   |
| Công nghiệp         | ↑ 0.64%    | 19.6 | 5.9 | 19.9%  |
| Dầu khí             | ↑ 2.20%    | 16.1 | 2.9 | 4.4%   |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -2.51%   | 22.6 | 4.6 | 2.9%   |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 3.01%    | 15.0 | 3.5 | 1.1%   |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.02%    | 22.1 | 7.8 | 12.8%  |
| Ngân hàng           | ↓ -0.04%   | 13.7 | 2.0 | 13.6%  |
| Nguyên vật liệu     | ↑ 1.98%    | 9.8  | 1.9 | 9.3%   |
| Tài chính           | ↑ 0.42%    | 23.5 | 3.9 | 25.4%  |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↓ -0.31%   | 13.6 | 3.0 | 1.5%   |
| VN - Index          | ↑ 1.16%    | 17.7 | 5.1 | 150.9% |
| HNX - Index         | ↑ 0.75%    | 13.2 | 2.3 | -50.9% |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm thứ mười liên tiếp, chỉ số VN-Index chính thức vượt ngưỡng 890 điểm, sắc xanh tiếp tục chiếm ưu thế trên cả hai sàn. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 10,21 điểm (+1,16%) lên 892,8 điểm; HNX-Index tăng 0,81 điểm (+0,75%) lên 108,29 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tiếp tục ở mức cao với giá trị giao dịch đạt 8.177 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 263 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm tới 3.490 tỷ đồng. VNM thỏa thuận lớn với hơn 10,7 triệu cổ phiếu, giá trị ước đạt 1.890 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 309 mã tăng, 95 mã tham chiếu, 197 mã giảm. Diễn biến giao dịch rất tích cực khi chỉ số chỉ giảm nhẹ trong khoảng 30 phút đầu; sau đó, dòng tiền đổ mạnh vào thị trường kéo các cổ phiếu vốn hóa lớn tăng mạnh, tạo hiệu ứng lan tỏa sang các cổ phiếu vừa và nhỏ. Những mã lớn tác động lớn nhất đến chỉ số trên hai sàn có thể kể đến như SAB (+3,4%), VCB (+2,5%), MSN (+4,4%), VIC (+1,3%), VNM (+0,8%), CTG (+1%), ACB (+1,8%). Ở chiều ngược lại, chỉ còn vài mã lớn là vẫn chìm trong sắc đỏ như VRE (-1,1%), CTD (-1,6%), BHN (-0,7%), BVH (-0,6%). Bộ đôi cổ phiếu HAG (+6,9%) và HNG (+6,9%) đều tăng trần với dư mua giá trần lớn. Hàng loạt mã penny cũng tăng mạnh và thậm chí còn tăng trần như OGC (+6,6%), KSA (+7%), AMD (+6,9%), DHM (+7%).

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index tiếp tục nối dài chuỗi tăng điểm lên phiên thứ mười liên tiếp và hiện chỉ số đã vượt được ngưỡng tâm lý 890 điểm. Thanh khoản khớp lệnh vẫn ở mức trung bình với khoảng gần 4.000 tỷ đồng khớp lệnh trên sàn HOSE; nhưng dòng tiền đã có sự lan tỏa mạnh mẽ hơn giúp cho độ rộng thị trường được cải thiện với số mã tăng áp đảo trên thị trường. Hàng loạt cổ phiếu trụ cột đóng cửa ở mức giá cao nhất trong lịch sử như VIC, VCB, VJC, MWG... cho thấy đà tăng nhiều khả năng sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới để hỗ trợ cho thị trường chung. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, sẽ cần sự điều chỉnh để giúp cho thị trường hình thành vùng giá mới vững chắc hơn trước khi đi lên những đỉnh cao mới. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, áp lực bán tăng dần có thể khiến VN-Index điều chỉnh trở lại để kiểm định ngưỡng tâm lý 890 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn cần những nhịp điều chỉnh để tăng dần tỷ trọng cổ phiếu lên và hạn chế mua đuổi những mã lớn đã tăng nóng. Nhà đầu tư trung và dài hạn tiếp tục nắm giữ những cổ phiếu đang có vị thế tốt trong và tận dụng những phiên giảm điểm để tích lũy thêm những cổ phiếu có triển vọng tích cực.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

16/11/2017

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

## VN-Index:

VN-Index giảm điểm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, chỉ số chạm mức thấp nhất trong phiên tại 880,17 điểm. Từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu đổ vào mạnh hơn, giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, đà tăng mạnh dần về cuối phiên đã giúp chỉ số kết phiên ở mức điểm cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 10,21 điểm (+1,16%) lên 892,8 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: SAB tăng 9.100 đồng, VCB tăng 1.100 đồng, MSN tăng 2.500 đồng. Ở chiều ngược lại, VRE giảm 500 đồng.

## HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian giao dịch, chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 108,35 điểm. Cũng có thời điểm, chỉ số giảm nhẹ về sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 107,44 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,81 điểm (+0,75%) lên 108,29 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB tăng 600 đồng, VCG tăng 800 đồng, PVS tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, PHP giảm 500 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 292,15 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 528 nghìn cổ phiếu. VNM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 352,9 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 40 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CII là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 60,7 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị 37,08 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 1,9 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 42,6 tỷ đồng tương ứng với 2,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VGC với 5,2 tỷ đồng tương ứng với 225 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6 tỷ đồng tương ứng với 238 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**Thống đốc Lê Minh Hưng: Dự trữ ngoại hối đạt 46 tỷ USD**

Con số trên được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Hưng đưa ra tại phiên chất vấn chiều nay (16/11).

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

## VN-Index:



VN-Index tăng điểm mạnh trong phiên thứ mười liên tiếp với thanh khoản xấp xỉ mức trung bình 100 phiên, hiện chỉ số đã chính thức vượt ngưỡng 890 điểm. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 867-881 điểm (MA5-10) và ngưỡng kháng cự tâm lý tiếp theo tại 900 điểm. Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 825 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 764 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, áp lực bán tăng dần có thể khiến VN-Index điều chỉnh trở lại để kiểm định ngưỡng tâm lý 890 điểm.

## HNX-Index:



HNX-Index tăng điểm khá tốt trong phiên thứ bảy liên tiếp với thanh khoản xấp xỉ mức trung bình 100 phiên. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 106,2-107,2 điểm (MA5-20) và ngưỡng kháng cự tâm lý tiếp theo tại 109 điểm. Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 106,6 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với hỗ trợ tại 97,3 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, áp lực chốt lời có thể khiến HNX-Index giảm trở lại để kiểm định ngưỡng tâm lý 108 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

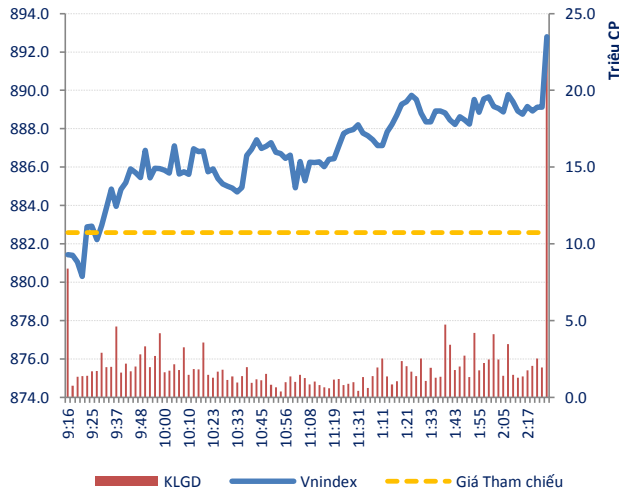
|                                     |                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giá vàng trong nước giảm</b>     | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 36,41 - 36,49 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) giảm 20.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 90.000 đồng/lượng ở chiều bán ra. |
| <b>Tỷ giá trung tâm giảm 7 đồng</b> | Ngày 16/11 Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 22.449 đồng (giảm 7 đồng).                                                                                            |

## TIN QUỐC TẾ

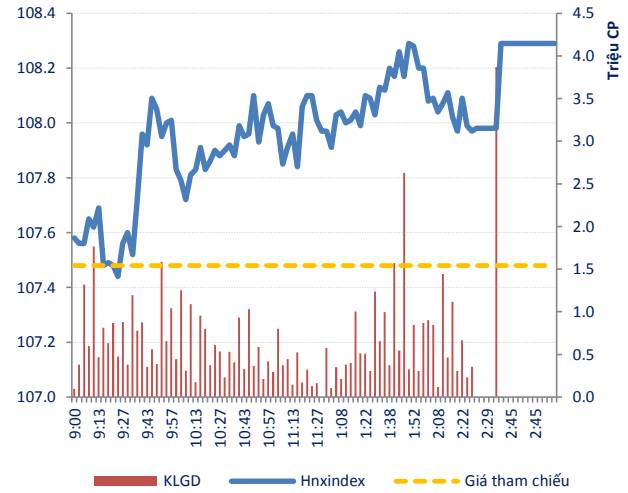
|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giá vàng thế giới giảm</b>    | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,34 USD/ounce tương ứng 0,03% xuống 1.244,36 USD/ounce.                                                                                                                                               |
| <b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b> | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 0,08 điểm tương ứng với 0,09% lên 93,8 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1788 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3160 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,16 JPY.   |
| <b>Giá dầu thế giới tăng</b>     | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,03 USD tương ứng 0,05% lên 55,36 USD/thùng.                                                                                                                                                   |
| <b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>  | Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/11, chỉ số Dow Jones giảm 138,19 điểm tương ứng 0,59% xuống 23.271,28 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 31,66 điểm tương ứng 0,47% xuống 6.706,21 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 14,25 điểm tương ứng 0,55% xuống 6.564,62 điểm. |

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH

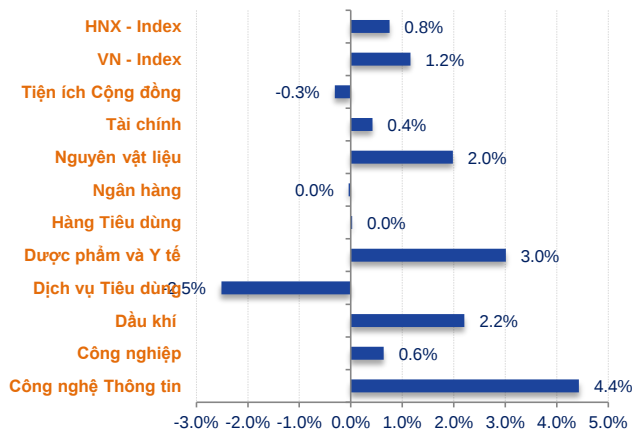
### KLGD và VN-Index trong phiên



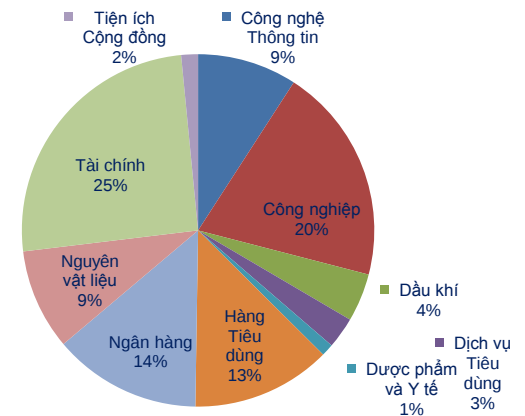
### KLGD và HNX-Index trong phiên



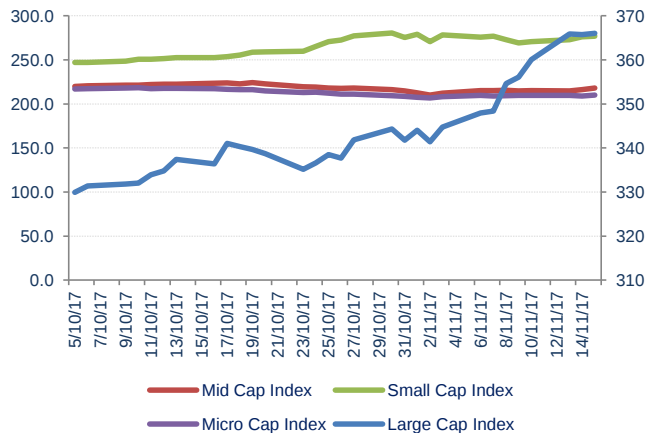
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



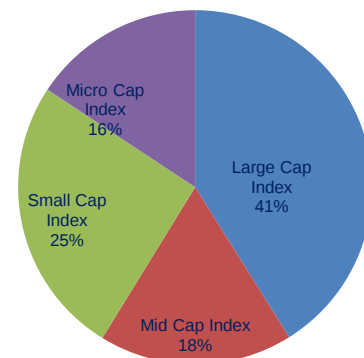
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK   | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|---------|-------------|
| 1  | VNM   | 1,933,430   | CII     | 1,864,560   |
| 2  | HPG   | 1,031,730   | SBT     | 1,704,000   |
| 3  | STB   | 985,680     | VRE     | 1,559,770   |
| 4  | BID   | 784,890     | E1VFN30 | 993,580     |
| 5  | SSI   | 649,500     | SHI     | 868,530     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | SHB   | 662,344     | PVS   | 2,658,600   |
| 2  | VCG   | 237,831     | VGC   | 225,100     |
| 3  | HKT   | 75,100      | PHP   | 43,200      |
| 4  | MNC   | 26,300      | BCC   | 20,300      |
| 5  | CTP   | 19,700      | NTP   | 20,000      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD       |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| VNM | 181.80     | 183.20   | ↑ 0.77% | 11,413,210 |
| STB | 11.45      | 12.00    | ↑ 4.80% | 7,844,650  |
| VIC | 69.00      | 69.90    | ↑ 1.30% | 7,589,287  |
| FLC | 6.11       | 6.23     | ↑ 1.96% | 7,287,810  |
| FPT | 56.90      | 57.00    | ↑ 0.18% | 7,231,258  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| PVS | 16.00      | 16.40    | ↑ 2.50%  | 7,714,751 |
| SHB | 8.00       | 7.90     | ↓ -1.25% | 7,007,212 |
| KLF | 3.40       | 3.50     | ↑ 2.94%  | 5,448,241 |
| VCG | 24.80      | 25.60    | ↑ 3.23%  | 5,128,006 |
| ACB | 32.50      | 33.10    | ↑ 1.85%  | 4,370,554 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| KSA | 1.43       | 1.53     | 0.10 | ↑ 6.99% |
| STT | 9.30       | 9.95     | 0.65 | ↑ 6.99% |
| DHM | 3.45       | 3.69     | 0.24 | ↑ 6.96% |
| HAG | 7.22       | 7.72     | 0.50 | ↑ 6.93% |
| AGR | 4.62       | 4.94     | 0.32 | ↑ 6.93% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| DTD | 12.00      | 15.60    | 3.60 | ↑ 30.00% |
| PJC | 28.10      | 30.90    | 2.80 | ↑ 9.96%  |
| PPY | 14.10      | 15.50    | 1.40 | ↑ 9.93%  |
| C92 | 7.10       | 7.80     | 0.70 | ↑ 9.86%  |
| PRC | 15.50      | 17.00    | 1.50 | ↑ 9.68%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã       | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|----------|------------|----------|-------|----------|
| CLW      | 20.00      | 18.60    | -1.40 | ↓ -7.00% |
| TIE      | 10.50      | 9.77     | -0.73 | ↓ -6.95% |
| FUCVREIT | 10.80      | 10.05    | -0.75 | ↓ -6.94% |
| VMD      | 29.00      | 27.00    | -2.00 | ↓ -6.90% |
| HTV      | 16.80      | 15.65    | -1.15 | ↓ -6.85% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SDU | 23.40      | 21.10    | -2.30 | ↓ -9.83% |
| HHC | 51.00      | 46.10    | -4.90 | ↓ -9.61% |
| DC4 | 10.50      | 9.50     | -1.00 | ↓ -9.52% |
| SJC | 14.80      | 13.40    | -1.40 | ↓ -9.46% |
| TDN | 4.40       | 4.00     | -0.40 | ↓ -9.09% |

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS   | P/E  | P/B  |
|-----|------------|---------|-------|------|------|
| VNM | 11,413,210 | 43.2%   | 7,152 | 25.6 | 11.1 |
| STB | 7,844,650  | 3250.0% | 380   | 31.6 | 0.9  |
| VIC | 7,589,287  | 4.3%    | 737   | 94.9 | 6.7  |
| FLC | 7,287,810  | 6.5%    | 862   | 7.2  | 0.5  |
| FPT | 7,231,258  | 17.8%   | 4,093 | 13.9 | 2.8  |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 7,714,751 | 7.1%  | 1,897 | 8.6  | 0.7 |
| SHB | 7,007,212 | 10.2% | 1,253 | 6.3  | 0.6 |
| KLF | 5,448,241 | 1.9%  | 204   | 17.2 | 0.3 |
| VCG | 5,128,006 | 8.5%  | 1,440 | 17.8 | 1.9 |
| ACB | 4,370,554 | 12.6% | 1,882 | 17.6 | 2.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| KSA | ↑ 7.0% | 1.1%   | 123     | 12.5 | 0.1 |
| STT | ↑ 7.0% | -64.5% | (1,633) | -    | 4.7 |
| DHM | ↑ 7.0% | 2.3%   | 273     | 13.5 | 0.3 |
| HAG | ↑ 6.9% | 3.8%   | 788     | 9.8  | 0.5 |
| AGR | ↑ 6.9% | 6.6%   | 540     | 9.2  | 0.6 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DTD | ↑ 30.0% | 7.6%  | 655   | 23.8 | 1.4 |
| PJC | ↑ 10.0% | 23.1% | 3,667 | 8.4  | 1.9 |
| PPY | ↑ 9.9%  | 14.6% | 2,014 | 7.7  | 1.2 |
| C92 | ↑ 9.9%  | 6.6%  | 802   | 9.7  | 0.6 |
| PRC | ↑ 9.7%  | 11.8% | 2,883 | 5.9  | 0.7 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B  |
|-----|-----------|-------|-------|------|------|
| VNM | 1,933,430 | 43.2% | 7,152 | 25.6 | 11.1 |
| HPG | 1,031,730 | 32.1% | 5,775 | 6.7  | 2.0  |
| STB | 985,680   | 3.0%  | 380   | 31.6 | 0.9  |
| BID | 784,890   | 12.5% | 1,685 | 14.3 | 1.8  |
| SSI | 649,500   | 10.9% | 1,863 | 13.2 | 1.4  |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 662,344 | 10.2% | 1,253 | 6.3  | 0.6 |
| VCG | 237,831 | 8.5%  | 1,440 | 17.8 | 1.9 |
| HKT | 75,100  | 4.9%  | 591   | 5.2  | 0.3 |
| MNC | 26,300  | 6.5%  | 790   | 5.1  | 0.3 |
| CTP | 19,700  | 18.8% | 2,503 | 6.7  | 1.2 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B  |
|-----|---------|-------|-------|------|------|
| VNM | 265,879 | 43.2% | 7,152 | 25.6 | 11.1 |
| VIC | 184,376 | 4.3%  | 737   | 94.9 | 6.7  |
| SAB | 179,559 | 31.5% | 6,966 | 40.2 | 12.1 |
| VCB | 160,820 | 15.8% | 2,261 | 19.8 | 3.0  |
| GAS | 152,877 | 21.6% | 4,691 | 17.0 | 3.9  |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| ACB | 32,633  | 12.6% | 1,882  | 17.6 | 2.1 |
| VCS | 18,608  | 59.6% | 13,163 | 17.7 | 8.7 |
| VCG | 11,308  | 8.5%  | 1,440  | 17.8 | 1.9 |
| VGC | 9,864   | 12.0% | 1,901  | 12.2 | 1.7 |
| SHB | 8,842   | 10.2% | 1,253  | 6.3  | 0.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| HCM | 2.83 | 17.8% | 3,444 | 13.3 | 2.3 |
| CSM | 2.75 | 9.9%  | 1,266 | 12.2 | 1.3 |
| CCL | 2.56 | 0.9%  | 95    | 37.6 | 0.3 |
| LSS | 2.56 | 6.4%  | 1,513 | 7.3  | 0.5 |
| IDI | 2.55 | 10.5% | 1,294 | 8.8  | 0.9 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| PVL | 3.91 | -52.3% | (2,764) | -     | 0.7 |
| CTP | 3.80 | 18.8%  | 2,503   | 6.7   | 1.2 |
| PCG | 3.55 | -1.5%  | (163)   | -     | 0.9 |
| UNI | 3.30 | 0.1%   | 14      | 326.1 | 0.5 |
| CTT | 2.91 | 9.4%   | 1,167   | 8.1   | 0.7 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
Tel: (84-28)-3915 1368  
Fax: (84-28)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (84-236)-352 5777  
Fax: (84-236)-352 5779

---